ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP CỦA GIÁO TRÌNH MARKET LEADER VỚI BÀI THI TOEIC – GÓC NHÌN TỪ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Thị Hồng Hà*, Vương Thị Phương Thảo
Email: nthha@uneti.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 05/09/2023
Ngày phản biện đánh giá: 10/04/2024
Ngày bài báo được duyệt đăng: 25/04/2024

DOI: 10.59266/houjs.2024.388

Tóm tắt: *Giáo trình được coi là một công cụ thiết yếu, rất quan trọng trong quá trình giảng dạy bất kỳ khóa học. Bài báo này nhằm mục đích nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh qua việc khảo sát đánh giá của chính người học về sự phù hợp giữa giáo trình Market Leader (3rd edition) và bài thi chuẩn đầu ra TOEIC. Phương pháp nghiên cứu kết hợp định lượng và định tính, cụ thể là phương pháp khảo sát, thống kê và phân tích được áp dụng. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên đánh giá giáo trình có mức độ khá phù hợp với bài thi TOEIC. Tuy nhiên, các em cũng có nguyện vọng được cung cấp thêm các bài tập về từ vựng và ngữ pháp để tăng cường và củng cố vốn kiến thức. Trên cơ sở này, các đề xuất sẽ được đưa ra nhằm hỗ trợ cho người học đạt kết quả tốt nhất ở bài thi chuẩn đầu ra.*

Từ khóa: *đánh giá; giáo trình; Market Leader; bài thi TOEIC, chuẩn đầu ra, người học.*

I. Đặt vấn đề

Với việc dạy - học nói chung và dạy-học ngoại ngữ nói riêng, thì giáo trình (text books) có một vai trò hết sức quan trọng. Miekley (2005) cho rằng giáo trình (GT) không chỉ cung cấp cho người học chương trình học một cách hệ thống, trọng tâm và có kế hoạch mà còn cung cấp nội dung kiến thức chuẩn hóa. Tương tự, Ahour và Ahmadi (2012, tr. 176) cũng khẳng định: *"Sách giáo khoa là nguồn chính mà có thể truyền đạt những kiến thức và thông tin cho người học một cách dễ dàng và có tổ chức*". Bởi thế, đánh giá GT là một khâu không thể thiếu trong quá trình dạy- học vì nó thể hiện đầy đủ nội dung cho thấy giáo trình có phù hợp với mục tiêu đề ra của một khóa học, hay không để người dạy có thể điều chỉnh. Bài báo này là kết quả nghiên cứu từ khảo sát người học tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về đánh giá sự phù hợp của nó với bài thi chuẩn đầu ra TOEIC (TT). Mục đích là để nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học tiếng Anh không chuyên, giúp sinh viên (SV) có thể làm tốt TT ở cuối khóa học, đạt chuẩn đầu ra.

II. Cơ sở lý luận

2.1. Một số nghiên cứu về giáo trình

Đã có nhiều nghiên cứu về đánh giá giáo trình (GT) ở Việt nam. Có thể kể đến là nghiên cứu của Nguyễn Thị Quế, Phạm

* Trường Đại học Kinh Tế - Kỹ Thuật Công Nghiệp

Phương Hoa (2017) "Đánh giá sự phù hợp của giáo trình New *English File đối với việc giảng dạy sinh viên không chuyên ngữ tại Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên";* của Nguyễn Phạm Thanh Vân & Huỳnh Thị Long Hà (2018) "Đánh giá giáo trình Life – Pre-Intermediate dưới quan điểm của giảng viên và sinh viên không chuyên ngữ, trường đại học Ngoại Ngữ, Đại Học Huế"*;* nghiên cứu về *"Đánh giá giáo trình 'Life' dưới góc nhìn của giáo viên"* của Trần Thị Thúy Quỳnh (2019) ở trường Đại học Nha Trang. Các nghiên cứu ở nước ngoài có thể kể đến là nghiên cứu "*Evaluating the EFL textbook "New Bridge to Success 3" from the perspectives of students and teachers"* của Bandara (2006); nghiên cứu "*A Critical Look at Textbook Evaluation: A Case Study of Evaluating an ESP Course-Book: English for International Tourism"* của Saeid Najafi Sarem (2013); nghiên cứu "*Local Evaluation Criteria for Global Textbooks: A Case Study from Iran"* của Mehdi Karamifar (2014). Tuy nhiên, các nghiên cứu thường mới chỉ tập trung vào việc đánh giá GT nói chung, hay xác định sự phù hợp về độ khó với trình độ của người học, hoặc sự phù hợp của GT với chương trình đào tạo theo quan điểm của người dạy. Còn người học đánh giá về sự phù hợp của GT với bài thi năng lực ngoại ngữ thì đến nay còn rất ít nghiên cứu được tiến hành.

2.2. Các cách đánh giá giáo trình

Theo Cunningsworth (1995) và McGrath (2002), có thể đánh giá trước khi sử dụng, khi sử dụng và sau khi sử dụng GT. Tương tự Branch (2009) cũng cho rằng có đánh giá ban đầu, đánh giá hình thành, và đánh giá tổng kết. Đánh giá trước khi sử dụng: được tiến hành trước GT được sử dụng để dự đoán giá trị của giáo trình đối với người học, giúp lựa chọn GT phù hợp (Tomlinson, 2011). Đánh giá giáo trình đang sử dụng: là đánh giá về sự phù hợp của giáo trình với các mục tiêu, bối cảnh của người học, các nguồn lực sẵn có,… (Cunningsworth, 1995). Đánh giá sau khi sử dụng là đánh giá tính phù hợp của GT trong một giai đoạn sử dụng liên tục. Đánh giá loại này là có giá trị nhất vì nó đo được hiệu quả thực tế của GT đối với người sử dụng (Tomlinson, 2011). Nếu xét từ phương diện người đánh giá, có thể: (i) đánh giá từ phía các chuyên gia giáo dục, các nhà biên soạn với các tiêu chí riêng của mình, và (ii) đánh giá từ phía người dạy và người học - những người đang trực tiếp sử dụng giáo trình. Về quy mô, Ellis (1997) đưa ra 2 loại đánh giá GT là đánh giá trong phạm vi nhỏ (micro-evaluation) và đánh giá tổng thể (macro-evaluation). Đánh giá tổng thể (macro evaluation) là sự đánh giá toàn diện một GT / bộ GT còn trong đánh giá với phạm vi nhỏ, giáo viên chỉ đánh giá một phần, một kỹ năng được giảng dạy. Đánh giá trong phạm vi nhỏ có thể đứng như một nghiên cứu độc lập, hoặc hợp lại thành một đánh giá tổng thể. Người/ tổ chức đánh giá cần có một bảng danh sách các tiêu chí (a textbook evaluation checklist) về những gì cần được đánh giá (Tomlinson, 1998, tr. 220).

Nghiên cứu này thuộc về đánh giá GT đang sử dụng, từ phía người học và thuộc phạm vi nhỏ, vì nó chỉ liên quan tới kiến thức ở hai kỹ năng: đọc hiểu và nghe hiểu. Danh sách các tiêu chí bao gồm kiến thức ngôn ngữ, dạng bài tập, và bối cảnh người học.

III. Phương pháp nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu đặt ra là:

1. Người học đánh giá như thế nào về sự phù hợp ở nội dung của giáo trình Market Leader với bài thi TOEIC qua mảng từ vựng, và ngữ pháp?

2. Người học đánh giá như thế nào về sự phù hợp của loại hình bài tập ở kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu trong giáo trình Market Leader và trong bài thi TOEIC?

Đường hướng của nghiên cứu này là sự kết hợp phương pháp định tính và định lượng. Dựa theo quan điểm của Cunningsworth (1995) và McGrath (2002), tâm điểm nghiên cứu này là đánh giá về sự phù hợp của GT với các mục tiêu của khóa học (là bài thi TT), và bối cảnh của người học (khó khăn, mong muốn, nguyện vọng). Kết hợp với quan điểm của Tomlinson (1998), một bảng danh sách tiêu chí đánh giá (checklist) cho nghiên cứu bao gồm: (i) sự phù hợp về chủ đề; (ii) sự đa dạng và độ khó của từ vựng (ii) sự đa dạng và độ phức tạp của ngữ pháp; (iii) sự phù hợp của loại hình bài tập nghe, bài tập đọc; (iv) bối cảnh của người học tạo thành khung lý thuyết cho nghiên cứu. Trên cơ cở bảng checklist này, 12 câu hỏi khảo sát chia thành 3 nhóm: (i) 5 câu về kiến thức ngôn ngữ; (ii) 4 câu về bài tập kỹ năng nghe và đọc hiểu; và (iii) 3 câu về mong muốn và nguyện vọng của người học. Các câu hỏi có các câu trả lời đóng, đồng thời có cả phương án mở cho SV tự điền câu trả của mình (nếu có). Câu hỏi được thiết kế trên Google form, gửi đến người học vào 2 thời điểm là cuối tháng 11-12/2023 và tháng 2/2024. Tham gia trả lời là các SV học vượt K16 đang học năm thứ 2, đã học xong Anh 3, Anh 4, có trình độ tương đương và trên bậc A2 – CEFR. Bài thi TOEIC trong nghiên cứu này là bài Full Practice tests có trong chương trình học ở TOEIC Upgrade, Tactics for TOEIC, Pass the TOEIC, Introductory for TOEIC tests và TOEIC test Intermediate. Phương pháp định lượng thể hiện ở thống kê các con số và quy về tỷ lệ %. Phạm vi của nghiên cứu là GT Market Leader cấp độ Elementary và Pre-intermediate.

IV. Kết quả nghiên cứu

4.1. Về kiến thức ngôn ngữ

Nhận xét về chủ đề của GT ML và bài thi TT, có 93,2% số SV trả lời đồng ý rằng chủ đề của

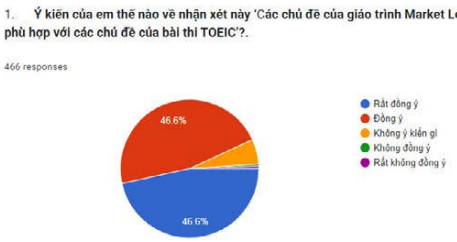

Hình 1. Sự tương đồng về chủ đề của giáo trình ML và bài thi TT

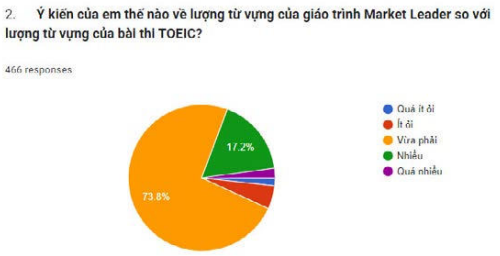

Hình 2. Sự tương đồng về lượng từ vựng

GT ML phù hợp với chủ đề của TT, trong đó có ½ (46,6%) số người rất đồng ý quan điểm này (Xem hình 1). Số không đồng tình và không ý kiến gì chiếm rất ít, chỉ có 6,8%. Điều này cho thấy SV đánh giá rất cao sự tương đồng về chủ đề của ML và TT. Giáo trình ML thiên về tiếng Anh công việc (Business Engish), nên các chủ đề của nó bao gồm về jobs, companies, selling, buying, entertaining, advertising, marketing, managing people, cultures… Chủ đề tương đồng đóng vai trò đáng kể trong việc chuyển tiếp vốn từ vựng từ bài học vào bài thi. Đây là điểm tương đồng khá thuận lợi với người học giáo trình ML mà thi bài thi TT chuẩn đầu ra. Về khối

lượng từ vựng khoảng gần 2/3 (73,8%) số sinh viên trả lời cho rằng lượng từ vựng của GT ML là vừa phải so với của TT, và chỉ 17,2% cho là lượng từ trong ML nhiều hơn (Xem hình 2). Điều này có nghĩa là, theo ý

Hình 3. Sự tương đồng về độ khó của từ vựng

Về cấp độ khó của từ vựng thì hơn một nửa (52,8%) số SV cho là khó như nhau, trong khi đó gần 34% (33,9%) cho là từ vựng của GT ML đơn giản hơn. Các phương án lựa chọn câu trả lời còn lại chiếm rất ít (chỉ gần 13% còn lại), để thấy đánh giá của SV rất tập trung vào hai phương án trên. Như vậy, có thể nhận định rằng, từ vựng của bài thi TT là một trở ngại đối với họ (Xem hình 3). Việc hiểu bài thi để làm tốt phụ thuộc rất nhiều vào từ vựng, nên một khi SV cho là từ vựng khó, thì việc nghe hiểu hay đọc hiểu đều sẽ bị hạn chế.

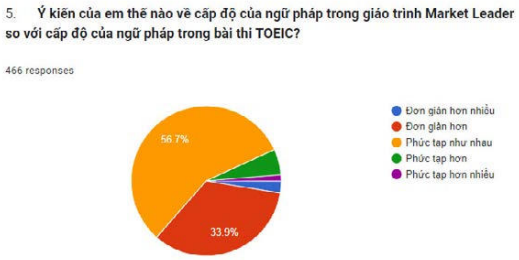

Hình 5. Sự tương đồng về độ khó ngữ pháp

Về ngữ pháp, hơn 84% (84,3%) số SV trả lời đồng tình rằng các hiện tượng ngữ pháp trong GT ML là vừa phải so với trong TT. Chỉ có 10,1% cho là hiện tượng ngữ pháp của ML nhiều hơn của TT. Các lựa chọn khác chiếm tỷ lệ rất ít, chỉ hơn 5% số người trả lời khảo sát (Xem hình 4).

chủ quan của đa số người học thì lượng từ trong GT ML là vừa đủ để các em có thể hiểu nội dung bài thi TT khi làm bài. Xét ở một góc độ nào đó, thì đây cũng là một thuận lợi nữa.

Hình 4. Sự tương đồng về hiện tượng ngữ pháp

Hơn một nửa số SV (56,7%) trả lời là ngữ pháp của ML và TT phức tạp như nhau. Chỉ có gần 34% các em cho rằng ngữ pháp của GT đơn giản hơn của TT. Các phương án còn lại chưa đầy 10%, cho thấy rất ít các em nhận định là ngữ pháp của GT phức tạp hơn của TT (Xem hình 5).

Tóm lại, đa số SV đồng ý rằng chủ đề của GT tương đồng với bài thi, lượng từ vựng của ML vừa phải với lượng từ vựng của TT, và độ khó của từ vựng là như nhau. Về ngữ pháp, các hiện tượng ngữ pháp xuất hiện trong ML cũng vừa phải với trong TT, và chúng phức tạp như nhau.

4.2. Các bài tập kỹ năng nghe và đọc hiểu

4.2.1. Kỹ năng nghe

Hơn 70% (72,7%) các em trả nói rằng bài tập nghe trong GT ML cũng phong phú như trong TT. Chỉ có 14,2% cho rằng trong ML các bài tập nghe phong phú hơn, và 9% cho rằng ở ML bài tập nghe nghèo nàn hơn (Xem hình 6). Trên thực tế, bài thi nghe TT có 4 phần với 4 dạng: nghe tả tranh, nghe câu hỏi- phúc đáp, nghe đoạn hội thoại, và nghe độc thoại ở dạng trắc nghiệm khách quan. Trong khi đó, ở GT ML, bài nghe

bao gồm nghe điền chỗ trống, nghe trả lời câu hỏi, nghe chọn đáp án, nghe ghi chú (take notes), nghe sắp xếp thứ tự, ở cả trắc nghiệm lẫn tự luận.

Hình 6. So sánh về sự đa dạng về bài tập nghe

Hình 7. So sánh về độ khó của bài tập nghe

Về độ khó của bài tập nghe, gần 64% (63,9%) số SV đánh giá bài nghe là khó như nhau, trong khi có ¼ số đó (24.9%) cho rằng bài nghe của GT ML dễ hơn (Xem hình 7). Thường thì bài nghe trong GT bao giờ cũng có ngữ cảnh rõ ràng, chi tiết, đôi khi còn có kèm hình ảnh minh họa, và được người dạy dẫn dắt qua một loạt các hoạt đông: từ pre-listening, tới while-listening, đến post-listening. Hơn thế, SV có thời gian nhìn vào bài tập nghe lâu hơn. Bởi vậy, các yếu tố này sẽ giúp người học cảm nhận bài nghe trong GT ML là dễ dàng hơn trong bài thi TT.

4.2.2. Kỹ năng đọc

Đánh giá về sự đa dạng của bài tập đọc, gần 80% (79,8%) SV cho là phong phú như nhau giữa GT ML và bài thi TT. Tiếp đến có gần 9% số được hỏi cho là bài đọc trong ML phong phú hơn (Xem hình 8). Thực tế thì bài đọc trong GT ML chủ yếu là từ tạp chí Financial Times, Telegraph, hay từ các websites với sự cho phép của nhà xuất bản, ở dạng trả lời câu hỏi, xác định đúng/sai, kết hợp từ - định nghĩa/giải thích. Còn bài đọc của bài thi TT thì thường là e-mail, thư tín thương mại, quảng cáo, thông báo nội bộ,…chủ yếu liên quan tới môi trường làm việc. Về độ khó của bài đọc, có trên 69% (69,1%) số SV cho rằng bài đọc của GT ML và của bài thi TT khó như nhau, và trên 20% (20,6%) nhận thấy bài đọc của GT dễ hơn của bài thi. Trên thực tế, bài đọc của GT thường dài hơn nhiều so ở TT, dạng bài cũng khá phong phú, thường là xác định câu Đúng/Sai, trả lời câu hỏi, kết hợp từ với định nghĩa, điền vào chỗ trống, kết hợp câu hỏi với câu trả lời, tìm từ đồng nghĩa/trái nghĩa, và bài nói hoặc bài viết sau bài đọc.

Như vậy, đa số SV thực hiện khảo sát cho rằng bài nghe và bài đọc trong GT LM và trong bài thi TT tương đồng về sự đa dạng và độ khó. Đây cũng sẽ là một lợi thế khi người học học giáo trình này và làm bài thi TT ở chuẩn đầu ra.

Hình 8. So sánh sự đa dạng của bài tập đọc

Hình 9. So sánh về độ khó của bài đọc

4.3. Những khó khăn và nguyện vọng của người học

Khi được hỏi về những khó khăn mà người học gặp phải, thì câu trả lời rất phân tán: tỷ lệ cao nhất là 20,2% cho rằng các em có vốn từ vựng quá ít ỏi, không đủ để hiểu nghĩa của bài thi Thấp hơn một chút là tỷ lệ 19,5% thuộc về nhiều các đáp án gây nhiễu, và các từ phát âm gần giống nhau xuất hiện nhiều trong TT.

Hình 10. Những khó khăn của người học

Các khó khăn khác chiếm trên 10% mỗi loại, bao gồm: 13,1% cho rằng phần nghe Part 2 rất khó vì câu hỏi không có ngữ cảnh; 11,8% và 11,4% tương ứng thuộc về số lượng các câu nghe của TT quá nhiều, đặc biệt ở Phần 2, phần 3, và phần 4 và các bài đọc đôi và bài đọc ba kết hợp trong bài thi TT rất khó; và 10,1% các em lựa chọn các hiện tượng ngữ pháp của TT phức tạp chưa được học tới và luyện tập nhiều (Xem hình 10). Chỉ một số ít cho rằng nội dung bài đọc ở bài thi TT khó hiểu và các dạng bài nghe trong bài thi khác lạ với bài nghe trong giáo trình. Kết quả này giúp người dạy nhận diện được vấn đề nổi cộm của người học, đó là từ vựng và nghe hiểu hơn là vấn đề ngữ pháp và đọc hiểu.

Bởi vậy, sẽ là dễ hiểu khi được hỏi về phần cần luyện tập thêm, SV nhận định rằng cần phải tăng cường thêm vốn từ vựng (38,2%) và rèn luyện, nâng cao sự tập trung khi làm bài nghe (26%) (Xem hình 11). Đây là hai phần mà các em gặp khó khăn nhất khi làm bài thi TT, nên cần tăng cường luyện tập thêm. Ngoài ra, SV nhận thấy cũng cần luyện tập thêm khả năng đọc lướt, và đọc quét để định vị thông tin nhanh chóng và chính xác dưới áp lực thời gian làm TT (14,8%). Chỉ có 11,4% cho rằng cần phải mở rộng và luyện tập thêm các hiện tượng ngữ pháp. Các lựa chọn còn lại bao gồm tăng cường tốc độ đọc, hay các ý khác không chiếm tỷ trọng đáng kể, chỉ có 9,4%.

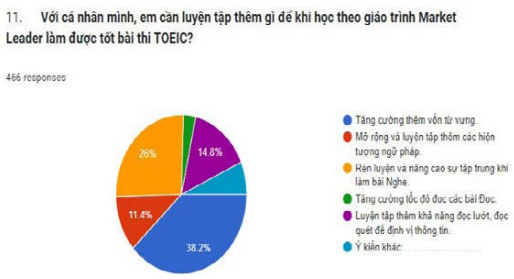

Hình 11. Phần cần luyện tập thêm theo quan điểm người học

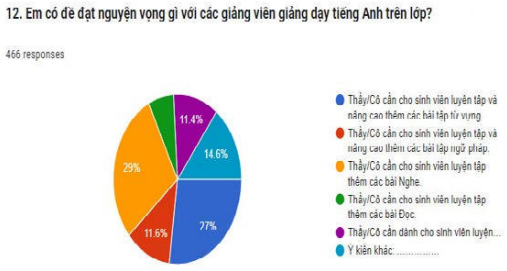

Hình 12. Nguyện vọng, mong muốn của người học

Cuối cùng, khi đề cập tới nguyện vọng của người học đối với người dạy, gần 30% (29%) SV mong muốn cho luyện thêm các bài nghe, và cũng xấp xỉ tỷ lệ đó (27%) mong được luyện tập và nâng cao thêm các bài tập về từ vựng, bởi đây là hai mảng các em gặp khó khăn nhất (Xem hình 12). Chỉ 14,6% có các ý kiến khác, bao gồm dành sự đánh giá cao với giảng dạy của thày/cô trên lớp như ‘giảng dễ hiểu’, ‘tuyệt vời’,

'nhiệt tình',…mong được chỉ bảo thêm về mẹo để làm các phần trong bài thi TT. Một số SV (11,6%) muốn được luyện tập và nâng cao thêm các bài ngữ pháp, và 11,4% mong dành thêm thời gian để luyện tập cả kỹ năng nói và viết nữa.

Như vậy, với phần khó khăn và nguyện vọng, chúng ta thấy SV gặp khó nhất ở vốn từ vựng quá ít ỏi, không đủ để hiểu nghĩa của TT, bài nghe có nhiều các đáp án gây nhiễu, và các từ phát âm gần giống nhau nhiều. SV mong muốn ***được*** tăng cường thêm, và đồng thời các em cũng tự nhận thấy cần phải tự luyện tập thêm hai mảng này mới làm tốt được bài thi TT.

V. Kết luận

GT *Market Leader* đã được lựa chọn là GT chính để giảng dạy cho SV không chuyên ngữ tại trường Đại học Kinh tế và Kỹ thuật Công nghiệp. Với phần kiến thức ngôn ngữ SV đánh giá chủ đề của GT ML khá tương đồng với của bài thi TT, trong đó lượng từ vựng và độ khó của từ vựng, các hiện tượng ngữ pháp và độ phức tạp của ngữ pháp trong ML và trong TT là tương đối như nhau. Ngoài ra, SV cũng cho rằng bài nghe và bài đọc trong giáo trình ML và trong bài thi TT tương đồng về sự đa dạng và độ khó. Đây có thể coi là hai lợi thế lớn khi học GT này và làm bài thi TT ở chuẩn đầu ra. Tuy nhiên, thách thức lớn của người học nằm ở vốn từ vựng ít ỏi, và gặp khó ở kỹ năng nghe, nên người dạy cần tăng cường thêm các bài luyện từ vựng, và bài luyện nghe cho SV. Đó cũng là mong muốn của người học đồng thời sinh viên cũng nhận thức được sự cần thiết phải tăng cường, tự luyện tập hai mảng này mới có thể làm tốt được bài thi TT, đạt chuẩn đầu ra. Hy vọng, nghiên cứu này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học tiếng Anh không chuyên tại trường và các cơ sở đào tạo khác có dùng GT Market Leader với đầu ra là bài thi TOEIC, giúp người học đạt yêu cầu chuẩn đầu ra theo thước đo bài thi TOEIC.

Tài liệu tham khảo:

[1]. [Ahour, T. and Ahmadi, E. *Retrospective evaluation of textbook "Summit 2B" for its suitability for EFL undergraduate students*. Academy Publication, 2012.

[2]. Branch, R.M. *Instructional Design: The ADDIE Approach*. New York, NY: Springer, 2009.

[3]. Cotton, D., Falvey, D., & Kent, S. *Market Leader: Elementary & Pre-intermediate*: Business English Course Book & Practice File. Pearson, 2014.

[4]. Cunningsworth, A. *Choosing your coursebook*. Oxford: Heinemann Publishers Ltd, 1995.

[5]. Karamifar, M. "*Local Evaluation Criteria for Global Textbooks: A Case Study from Iran",* 2014.

[6]. McGrath, I. *Material Evaluation and Design for Language Teaching*. Edinburgh University Press, 2002.

[7]. Miekley, J. ESL textbook evaluation checklist. *The Reading Matrix, 2005,* 101-109. from: http://www.readingmatrix.com/reading_projects/miekley/project.pdf.

[8]. Sarem, S. N. "*A Critical Look at Textbook Evaluation: A Case Study of Evaluating an ESP Course-Book: English for International Tourism",* 2013.

[9]. Tomlinson, B. *Materials Development in Language Teaching.* Cambridge University Press, 1998 (1st ed.), 2011 (2nd ed.)

EVALUATION ON THE RELEVANCE OF TEXTBOOKS "MARKET LEADER" TO TOEIC TESTS FROM LEARNERS' PESPECTIVES

Nguyen Thi Hong Ha[†], Vuong Thi Phuong Thao[†]

Abstract: *Textbooks are a vital learning resource for tertiary level courses. This article surveys students' assessments of the appropriateness of the 'Market Leader' textbooks in relation to TOEIC tests. The study found that learners generally found the textbooks to be suitable for TOEIC tests, but recommended additional exercises on vocabulary and grammar to improve their performance and knowledge. The article concludes with recommendations to help students achieve the best results on their TOEIC tests.*

Keywords: *assessment, textbook, TOEIC tests, outcome, learners.*

[†] University of Economics - Technology for Industries